

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 33

Môn: Phần A.VII - Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 28/12/2025

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	8,00	Tám	41	Nông Quốc Huy	8,00	Tám
2	Lê Nam Bắc	8,00	Tám	42	Đàm Thu Lệ	8,00	Tám
3	Nông Đình Bảng	8,00	Tám	43	Nông Minh Liễu	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Đàm Văn Bình	7,50	Bảy phẩy năm	44	Hoàng Diệu Linh	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Hoàng Hồng Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Lăng Văn Long	8,00	Tám
6	Bế Ngọc Công	7,50	Bảy phẩy năm	46	Nông Văn Long		Thôi học
7	Đình Văn Cường	8,00	Tám	47	Nông Đức Long	7,50	Bảy phẩy năm
8	Lương Thị Đào	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Nông Thị Mây	8,25	Tám phẩy hai năm
9	Bế Thanh Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	49	Tô Linh Nam	7,50	Bảy phẩy năm
10	Đặng Xuân Định	7,50	Bảy phẩy năm	50	Đình Thị Thanh Nga	8,25	Tám phẩy hai năm
11	Mã Văn Duệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Hà Văn Nghị	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Thị Mỹ Dung	8,00	Tám	52	Trương Đại Nghĩa	8,25	Tám phẩy hai năm
13	Bạch Thái Dũng	8,00	Tám	53	Hoàng Văn Nguyễn	7,25	Bảy phẩy hai năm
14	Nguyễn Tiến Dũng	8,00	Tám	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
15	Hà Ngọc Dương	8,25	Tám phẩy hai năm	55	Nông Thị Minh Nguyệt	8,00	Tám
16	Phạm Thị Giang	8,25	Tám phẩy hai năm	56	Bế Văn Nhân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Trần Nguyên Giáp	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
18	Ma Thị Hải	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Dương Thanh Phong	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Nông Ngọc Hải	7,50	Bảy phẩy năm	59	Hà Minh Quyết	8,00	Tám
20	Đàm Thị Hành	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Lâm Thị Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
21	Hoàng Quang Hậu	7,25	Bảy phẩy hai năm	61	Bàn Tồn Sao	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Vũ Thị Thu Hiền	8,00	Tám	62	Đình Thị Hồng Sợi	8,25	Tám phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Quốc Thị Thanh Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	63	Nông Đức Tài	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nông Thị Hòa	8,00	Tám	64	Nông Hồng Thẩm	8,00	Tám
25	Lục Xuân Hòa	8,00	Tám	65	Phan Văn Thành	7,50	Bảy phẩy năm
26	Thẩm Đức Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	66	Phan Thiêm	8,00	Tám
27	Nông Duy Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	67	Lê Thị Xuân Thương	8,25	Tám phẩy hai năm
28	Hoàng Doãn Hoạ	8,00	Tám	68	Đàm Thị Thanh Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
29	Hoàng Văn Hội	7,50	Bảy phẩy năm	69	Lê Minh Thụy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lê Thị Hồng	8,00	Tám	70	Lương Thị Thu Trang	8,00	Tám
31	Hoàng Văn Huân	8,25	Tám phẩy hai năm	71	Phan Minh Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Đình Văn Hùng	8,00	Tám	72	Nông Thu Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
33	Trần Văn Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Đình Kiều Trinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Bé Văn Hùng	8,00	Tám	74	Lê Kim Trường	8,25	Tám phẩy hai năm
35	Hoàng Việt Hưng	8,00	Tám	75	Hồ Anh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
36	Hoàng Quốc Hưng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Hứa Thanh Tùng	8,25	Tám phẩy hai năm
37	Phan Tuấn Hưng	8,00	Tám	77	Nông Thanh Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
38	Nông Hồng Hương	8,00	Tám	78	Đoàn Thị Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
39	Trương Ngọc Hữu	8,00	Tám	79	Đoàn Thanh Tuyên	8,00	Tám
40	Lý Văn Huy	7,75	Bảy phẩy bảy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyên	8,00	Tám

**GHI ĐIỂM**



**Nguyễn Thu Hằng**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thủy**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**